

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc và ông Nguyễn Văn Xô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 67, Khu Tử Lạc 2, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 67, Khu Tử Lạc 2, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Bà T, ông T1 đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2023, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Vũ Văn T1 ngày 17/3/1988, được đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh Tân, trước lúc kết hôn có được sự tìm hiểu và tự nguyện của hai bên. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T1 thường xuyên uống nhiều rượu về chửi và đánh bà, lúc cãi nhau ông T1 vớ được cái gì là cầm đánh bà T, nhiều lần bà phải đi viện. Việc này xảy ra khoảng gần 20 năm nay. Đầu năm 2023, ông T1 đánh đuổi bà T đi, khóa cửa không cho bà vào nhà nên bà phải đến nhà con ở. Có lần bà đang ở nhà con gái để trông cháu thì ông T đến gây sự và đánh bà. Việc mâu thuẫn của vợ chồng bà không báo với chính quyền địa phương vì sợ ảnh hưởng đến con cái. Do sức khỏe ngày càng yếu, bà không thể chịu đựng được nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T1.

Về con chung: Có 02 con chung là chị Vũ Thị T2, sinh năm 1989 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1991, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, ông Vũ Văn T1 trình bày: Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng 05 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc cúng giỗ mẹ đẻ bà T chia làm hai nhóm cúng, bà T theo các chị em gái, ông theo cúng nhà ông trưởng (anh ruột bà T) nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra ông bị bệnh gút, bệnh thoái hóa khớp, vườn nhà rộng gần 9.000m² nên ông làm vườn nhiều quá mệt dẫn đến cáu gắt, mặt khác thương bà T ngày trông cháu tối lại về làm, ông lo cho sức khỏe của bà T nên nói bà phải lo cho sức khỏe nên ông có tát bà T. Khoảng 04 tháng nay bà T không về nhà, để một mình ông tự lo trong khi bà T cầm hết kinh tế không đưa cho ông. Xuất phát từ việc thương bà T nên ông đề nghị Tòa án hòa giải để gia đình ông đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung là chị Vũ Thị T2, sinh năm 1989 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1991, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại Khu dân cư Tử Lạc 2, ông Trưởng khu cho biết: Bà Trần Thị T và ông Vũ Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1988. Sau khi kết hôn một thời gian dài thì vợ chồng bà T, ông T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể ông không nắm được vì ông T1 và bà T không báo với khu để hòa giải. Tuy nhiên, ông T1 tính tình nóng nảy và không tôn trọng bà T, gần đây con ông T, bà T1 làm ăn kinh tế bị thua lỗ, mất mát nhiều về kinh tế nên ông T1 và bà T có xảy ra va chạm, thường xuyên cãi nhau. Nay bà T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải nhưng bà T không về đoàn tụ mà cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – bà T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông T1.
- Bị đơn – ông T1 đề nghị bà T1 suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T ly hôn với ông T1 theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải

chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – ông T1 có nơi cư trú tại phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông T1 có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, bà T và ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn, bạo lực gia đình, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Bà T cương quyết xin ly hôn. Điều đó thể hiện ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T, xử cho bà T ly hôn ông T1 là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Bà T, ông T1 có 02 con chung là chị Vũ Thị T2, sinh năm 1989 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1991, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên, đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T, ông T1 đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Bà T, ông T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T. Xử cho bà Trần Thị T ly hôn ông Vũ Văn T1.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải bầu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2021/0004509 ngày 29/5/2023, bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (số GCNKH 02 ngày 17.3.1988);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc